

LỄ HỘI ĐỀN CHÍN GIAN Ở NHƯ XUÂN (THANH HÓA)

Hà Nam Ninh

Năm 2017, huyện Như Xuân phục dựng lễ hội đền Chín Gian tại xã vùng cao Thanh Quân, dựa trên nền tảng lễ hội thờ Trời cổ truyền của cộng đồng người Thái thuộc chín Mường xung quanh đền thờ. Để góp phần làm rõ thêm về nguồn gốc, cách thức tổ chức lễ hội, chúng tôi xin đóng góp một vài ý kiến về lễ hội này.

1. Không gian văn hóa đền Chín Gian

1.1. Cộng đồng dân cư khu vực đền Chín Gian

Người Tày Thái cổ là cư dân của nước Văn Lang và Âu Lạc. Do hoàn cảnh lịch sử, Thục Phán An Dương Vương thất thủ thành Cổ Loa, người Tày Thái không chịu khuất phục dưới sự thống trị của các thế lực phong kiến phương Bắc, luôn có ý thức chống cự, nhưng thế lực yếu đã lui dần về phía tây, lập nên nước Nam Chiếu và Ai Lao. Người Tày Thái là bộ phận chủ yếu mà sách sử Trung Hoa gọi là người Tây Âu, tức là bộ phận theo bà Âu Cơ về phía tây - theo truyền thuyết. Tuy nhiên có một bộ phận ở lại rải rác trong các thung lũng đại ngàn và một bộ phận hòa nhập vào cộng đồng dân cư Việt Mường, tồn tại trong suốt thời kỳ Bắc thuộc. Đến thời kỳ nước ta giành lại được độc lập, sau chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng của Ngô Quyền, năm 938, người Thái có điều kiện từ Vân Nam trở lại quê hương đất Việt. Cuộc di cư của người Thái từ Vân Nam vào Tây Bắc Việt Nam, xuống Lào và Thái Lan diễn ra ồ ạt nhất vào thế kỷ XIII, khi quân Nguyên Mông đánh chiếm nước Đại Lý ở phía tây - nam nước Tống. Người Thái Đen đặt chân đến xây dựng Mường Lò (nay thuộc tỉnh Yên Bái), rồi mở cuộc chinh chiến, thôn tính vùng Tây Bắc, gặp được người Thái Trắng tại vùng Mường Thanh. Sau đó, người Thái tiếp tục tiến dần về phía đông nam, xâm nhập vào Thanh Hóa, Nghệ An và Lào. Trước cuộc khởi nghĩa Lam Sơn (thế kỷ XV), người Thái đã sinh sống khá đông ở miền núi

Thanh Hóa và Nghệ An. Thời kỳ Lê sơ, nhà vua đã chuyển một bộ phận người Thái ở Tây Bắc, điển hình là Mường Muối vào Nghệ An để khai phá vùng đất đai đang còn hoang hóa. Đồng thời, một bộ phận người Thái ở vùng sông Mã Thanh Hóa tiếp tục di chuyển về phía nam. Điểm cuối cùng là Con Cuông (nghĩa là công trong), tận cùng của nước Âu Lạc thời kỳ vua Thục Phán. Trong các Mường hình thành ở đây có Mường Ca, tức Mường Quạ, mang dấu ấn, nguồn gốc từ Mường Ca Da (Quan Hóa) chuyển vào.

Khu vực phía nam sông Chu và đầu nguồn sông Hiếu (gồm nhánh Nậm Chang và Nậm Dải đã hình thành các Mường Thái Cổ từ lâu đời. Các tên Mường lớn như: Mường Luộc - Chiềng Ban, Mường Chang, Mường Lự, Mường Tôn, Mường Chông, Khùn Tinh... đã gắn với các truyền thuyết và huyền thoại từ thời xa xưa. Cư dân vùng này gọi là Tày Mường. Người Tày Mường có nhiều nguồn gốc hợp lại. Trong đó, có người Tày Thái cổ từ thời nước Âu Lạc, được bổ sung một bộ phận tàn quân của thủ lĩnh người Tày ở Cao Bằng, Nùng Trí Cao, thời nhà Lý, là cư dân nền, chủ yếu là họ Vi, họ Lương và họ Lang. Họ Lự (Lữ) cũng có mặt sớm nhưng số lượng không đông. Họ Lang có đền thờ họ tại bản Chạng xã Thanh Quân, truyền thuyết về dòng họ này rất sinh động. Theo lời kể của gia đình ông Lang Đức Lại bản Chiềng, Mường Mót huyện Thường Xuân, gia đình ông Lang Văn Nguyên bản Chạng Quăn, Mường Chang và gia đình ông Lang Gia Tôn ở Mường Nọc huyện Quỳnh Châu thì họ Lang bắt nguồn từ một

dòng họ khác, bắt đầu lấy họ Lang từ ở Mường Mót, sau mới lan ra Mường Khao, Mường Phụ, Mường Chang, Mường Nọc. Vì lý do nào đó, ở thời điểm cách đây đã lâu, dòng họ này lấy tên họ Lang để chứng tỏ có địa vị xã hội thuộc dòng quý tộc giống các thủ lĩnh của người Thái trước đây: Lang Chường, Lang Bôm, Lang Bắp, Lang Uôn, Lang Tòng... và xưa nữa, người Việt Mường có Lang Liêu, Lang Cùn Cùn, Lang Cùn Khương; trước Cách mạng tháng Tám năm 1945, tầng lớp quý tộc trong các mường của người Mường gọi là nhà Lang. Trong các tộc người ở Việt Nam hiện nay chỉ còn vùng này có họ Lang; bộ phận chuyển dịch từ bắc sông Chu vào sau khởi nghĩa Lam Sơn có họ Ngân, họ Hà, họ Lò, họ Lục; một bộ phận từ Tây Bắc, đi qua Lào và tây bắc Thanh Hóa đến vùng này, trong đó, quan trọng nhất có dòng họ Lò Cầm. Dòng họ Lò Cầm là hậu duệ của Lò Lệt, dòng họ của các chúa đất người Thái Đen Tây Bắc, vào đến Thanh Hóa - Nghệ An đổi thành họ Phạm ở huyện Quan Hóa, họ Cầm ở Huyện Thường Xuân, họ Sầm ở Nghệ An. Họ Cầm - họ Sầm làm tạo các mường lớn ở vùng Bắc Nghệ An và nam Thanh Hóa (Thời Lý - Trần, vùng này thuộc Thanh Hóa cả), đồng thời cũng là các thổ quan có tiếng ở vùng này. Trong bộ phận từ Tây Bắc chuyển vào có một nhóm gọi là Tày Dọ. Người Tày Dọ, cư trú tập trung xung quanh hai dãy núi Pù Tuấn (Pù Tôn), và Pù Cầm, gồm các huyện Thường Xuân, Như Xuân của Thanh Hóa và Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quỳnh Phong tỉnh Nghệ An. Người Tày Dọ có sắc thái văn hóa nổi trội hơn, nên đã chi phối được các nhóm khác, tạo ra bản sắc văn hóa người Tày Mường mang đậm nét văn hóa Thái Đen, đồng thời hòa trộn một phần văn hóa Thái Thanh, có màu sắc văn hóa Lào và văn hóa Champa cổ. Biểu hiện bên ngoài dễ nhận biết là bộ y phục rực rỡ của phụ nữ, tang ma có nhảy sạp, kéo co, ném còn; lễ tục làm nhà Then, làn điệu dân ca: nhuôn, xuôi; tiếng nói gần giống Tây Bắc; chữ Phủ Quý viết theo hàng dọc; đặc biệt có lễ hội thờ trời, hội tụ cả khu vực 9 mường.

1.2. Tín ngưỡng thờ thần của người Thái

Thờ cúng là lĩnh vực tâm linh, gắn với tín ngưỡng, tôn giáo của một dân tộc, một địa phương. Người Thái Việt Nam không theo tôn

giáo nào cả, mà chỉ có tín ngưỡng tổ tiên, thờ Trời và thờ đa thần. Mặc dù không có sách thuyết lý riêng theo kiểu giáo lý của các tôn giáo, nhưng thông qua các hình thức thể hiện tín ngưỡng, tâm linh như: lễ tang, cưới xin, sinh đẻ, làm vía, trừ ma, thờ thần, trò diễn... với một đội ngũ chuyên nghề làm các thao tác tín ngưỡng có bài bản, có sách ghi chép, gồm ba loại thầy chính là *mo*, *một*, *mùn*, người ta có thể hình dung được một thế giới sinh động tồn tại trong ý thức như là bóng hình của thế giới vật chất, có tác động, chi phối đời sống con người.

Người Thái quan niệm thế giới chia làm 3 tầng: tầng trời gọi là mường Phạ; tầng mặt đất gọi là mường Lúm hay mường Piềng (mường Bàng); tầng dưới mặt đất có ba khu vực là mường người lùn bằng cái bình vôi gọi là Tay Bống Pun, mường dưới nước của vua Long Vương gọi là mường Ngược, mường tối tăm, gọi là mường Mút (âm). Tầng trời - mường Phạ, có hai khu vực là Mường Bun (Bôn), và mường Then. Mường Buôn là thế giới hỗn hợp có cả người trời và các linh hồn từ dưới mường Lúm lên trú ngụ, tận hưởng hạnh phúc muôn đời. Mường Then là nơi kinh đô của người trời. Người có uy quyền, thế lực nhất trong cả thế giới mường Phạ và mường Lúm là Pó Then còn gọi là Pó Phạ hay Then Luông, Then Thấu mà người Kinh gọi là Ngọc Hoàng. Pó Then có một bộ hạ giúp việc trông coi tất cả mọi sự trần gian, như: việc làm mưa, nắng, yên bình, giặc giã; việc đầu thai sinh nở, số mệnh từng người ở trần gian... Pó Then có tai mắt tinh tường nhìn khắp thế gian: trai gái yêu nhau trần trờ thờ dài, Then cũng biết; gà con sắp nở cựa mình trong lòng trứng, Then cũng nghe. Ai làm việc xấu, việc tốt, Then đều phân xử công bằng. Ở dưới trần gian, ai cũng phải tự tu để được Pó Then phù hộ và tránh làm việc xấu khỏi Then xử phạt. Người ta thường nói "nghĩ xấu và làm việc xấu không bao giờ giấu được, nếu người không thấy còn có trời thấy". Vì vậy, người Thái coi trời là đáng tối cao, phải phụng thờ, cầu khẩn. Người Thái quan niệm có chín phương trời, năm phương đất (*cầu phương phạ, há phương đin*), nên con số 9 là số thiêng liêng, cao quý nhất. Trên trời cũng chia ra chín họ, do chín Then phụ trách. Tên gọi các Then không nhất nhất giống nhau giữa các vùng mường. Chỉ

có các Then được nhắc đến trong *Toi Ấm óc nặm đin* (Đề đất, đề nước) là giống nhau, như: Then Luông, Then Thấu, Then Thúm, Then Thổng...

Ở tầng mặt đất (mường Lúm), có thể giới vật chất và thế giới tâm linh. Thế giới tâm linh chia làm ba loại là thần, ma quỷ và linh hồn người sống. Thần là thế lực bảo vệ, che chở cho con người. Ma quỷ là thế lực làm hại. Người Thái thờ cả nhân thần và nhiên thần. Nhiên thần bắt nguồn từ bảy anh em Ấm Ếch, sau khi học được cách xát ra lửa, không còn phải ăn sống nuốt tươi, không sợ bóng tối, giá rét, đã có thể sống riêng rẽ, đã chia nhau đi ở mỗi người một nơi, trở thành bảy vị trí khác nhau và trở thành thần phù hộ cho con người:

*Ông về làm tạo hang sâu, vực thăm
Làm thần trông đất rừng, khe suối
Người ngự ở trên đỉnh núi
Người ở dưới đất bằng làm thổ công, thổ địa
Người về làm ông Táo, ông Công
Người leo trên mái nhà làm Táo Ói Ban,
Quan Lang Sát
Người về nằm dưới cát, mình vàng,
Nằm dưới sông đầu bẹp
Ông về ở gốc cây to, gò cây lớn
Ai ốm chạy đến cầu, ai đau cây nhờ giúp.*

Bên cạnh các nhiên thần, người Thái chia ra ba loại nhân thần. Đó là:

- Ai vào bản trước thành thần
Ai dựng mường trước thành tạo
(tức là thành hoàng mường, bản)
- Thần lớn dưới chân thành
Thần anh dưới chân ai.
(Các vị anh hùng dân tộc)
- Thần gốc xà gỗ mai
Ngon dầm gỗ công
(tức tổ tiên, dòng họ).

Việc cầu thần trở thành ý thức thường xuyên của người Thái xưa. Hằng ngày khi ăn cơm, uống rượu, người Thái đều phải khấn mời các thần về cùng ăn uống trước và cầu thần phù hộ. Hằng năm, các mường đều tổ chức lễ hội thờ thần dưới các tên gọi: xơ xăn - xơ xón (thờ thần), xin bản, xin mường (cúng bản cúng mường), xin đông (cúng cửa rừng)... Riêng thờ Trời thì chỉ có những dịp nhất định.

Tín ngưỡng thờ Trời được người Tày Thái

vận dụng vào nhiều hình thức khác nhau. Mở đầu một cuộc vui như ngày hội xuống đồng (Hội Lùng Túng), tết năm mới..., người Tày thường trình diễn tiết mục hát Then, tức là hát cầu Trời. Người Thái Tây Bắc xen kẽ thờ Trời trong lễ tục *Kin lấu nó*. Người Thái Thanh Hóa tổ chức trò diễn *Kin chiêng bóc mạy* phải có tiết mục đầu tiên là *Óc ná Then*, nghĩa là ra mắt Then để xin phép Then cho làm cuộc *Kin chiêng* này. Trong bài hát của bà Một có câu:

Xò óc ná Pó len hen

Xò óc ná Then lợi hội

(Dịch là: Xin ra mắt trời trơ trên

Xin ra mắt Then trơ trội

Trơ trên, trơ trội ở đây có nghĩa là rất chân thật, không che giấu điều gì).

Tục cầu mưa là một hình thức cầu khẩn trực diện với Trời.

Người Thái ở vùng sông Mã Thanh Hóa có tục làm vía áo tạo mường, gọi là *Khoăn mính mường*. Mỗi khi tế áo, dân mường mang lễ áo của tạo và một mâm lễ vật lên đỉnh núi cao nhất trong mường để cúng tế Trời, cầu xin Pó Then phù hộ cho dân mường được yên ổn làm ăn, mưa thuận, gió hòa, không có giặc giã, cướp bóc, loạn rừng, hỏa hoạn, dịch bệnh. Một số mường lớn rất coi trọng lễ này. Ví dụ: Mường Ca Đa đặt diêm thờ áo tại diêm cao núi đá Pha Mo, thuộc hệ thống núi Múng Mương, trên cửa sông Lò; Mường Không đặt trên đỉnh Pu Khoăn Luông (Pù Luông), mường Ký đặt trên đỉnh Pù Đền (Lai Lị Lai Láng). Diêm thờ Trời của các mường này không dựng đền miếu, mà chỉ đặt mâm lễ trên một tảng đá thiêng, nơi cao ráo, phong quang, gần trời nhất. Trong bài *Sườn mường*, ca ngợi Mường Ca Đa, có câu:

...Hìn tó dết óc tóng nặm Má hong hong

Tì công tóng nặm Mo ăm ỉnh

Mính tán tẹ dù tén phà Mo

Chu Da mi hó khăm tén kéo...

Tạm dịch là:

...Thấy nắng lên sông Mã sáng bừng

Trống chiêng ngân hòa vào ghènh thác

Hồn của ngài trên Pha Mo núi bạc

Chu Da lấp lánh đỉnh ngọc, vàng...

Câu ca đã cho ta thấy người xưa rất coi trọng ý nghĩa của tập tục cầu vía tạo mường.

Từ hình thức cầu vía tạo mường trên đỉnh núi của người Thái Thanh, người Tày Mường đã bổ sung, phát triển, nâng lên thành đền thờ trời trên đỉnh đồi, với nghi thức chém trâu để thờ. Và chỉ có khu vực xung quanh dãy núi Pu Tuấn (Pù Tôn), Pu Khăm (Pù Cầm) xuất hiện và tồn tại kiểu thờ Trời này.

2. Sự tích đền Chín mường - đền thờ Trời

Sau nhiều chuyến đi sưu tầm tư liệu trên thực địa ở khu vực các huyện Thường Xuân, Như Xuân, Như Thanh thuộc tỉnh Thanh Hóa, và huyện Quỳnh Châu, Quỳnh Hợp, Quế Phong, tỉnh Nghệ An, chúng tôi tập hợp các ý kiến, bước đầu phác họa con đường hình thành và di chuyển địa điểm của đền Chín Gian trong khu vực châu Thường Xuân cũ. Các cụ già có uy tín nhất trong vùng nhất trí cơ bản với nhận định sau:

- Đền thờ Trời bắt đầu hình thành ở bản Pàn thuộc mường Pàn, nay là thôn Tân Hiệp, xã Thanh Hòa. Sau đó di chuyển đến mường Lự, rồi sang mường Luộc - Xặng Kho, rồi đến Lùm Nưa (Chiềng Ban - Trịnh Vạn), cuối cùng trở về mường Chang, nơi đền Chín Gian hiện nay. Tính ra đã di chuyển địa điểm được 5 nơi. Đây là đền thờ chung cho cả cộng đồng người Tày Mường gồm 9 mường, thuộc châu Thường Xuân trước đây. Đó là mường Chang, mường Lự, mường Pàn, Trịnh Vạn, Mường Luộc - Xặng Kho, mường Phụ, mường Hính, mường Chai, mường Múm. Trong đó 3 mường thuộc xã Tri Giới ngày xưa chuyển về Nghệ An là: Mường Hính, mường Chai, mường Múm. Bất cứ địa điểm đặt ở đâu, dân chín mường này vẫn quy tụ về tổ chức lễ hội chung tại đền.

- Thiết kế không gian và tên gọi các địa điểm xung quanh đền giống nhau: Ngọn đồi đặt đền gọi là Pu Póm, Pu Quai (Pu Khoai); Bến nước trước đền gọi là Tá Phạ; Đường trâu lên đền phải qua cổng trời, gọi là Con Phạ. Khu vực gần đó có nhà thờ thành hoàng mường, gọi là *hươn xón*, miếu thờ thổ công gọi là *chầu đin*.

- Trước khi thờ Trời thì phải thờ thành hoàng mường và thổ công, thổ địa. Trong lễ thờ Trời phải mời thành hoàng mường, thổ công, thổ địa và các loại thần núi, thần sông xung quanh gần đó đến để cùng với thần các họ tạo chín mường, làm chủ nhà tiếp khách Trời.

Các địa điểm thờ cúng trước đó chỉ còn lại mảnh đất và tên gọi trên thực địa. Riêng nơi xây dựng đền Chín Gian bây giờ là nơi tổ chức lễ hội sau cùng vào năm 1946, thì còn có một số người cao tuổi đã từng chứng kiến, hiểu biết được cách thức tổ chức lễ hội. Còn về sự tích thì gắn với địa điểm ban đầu, ở mường Pàn.

Sự tích kể rằng:

Cuộc khởi nghĩa Lam Sơn do Lê Lợi lãnh đạo, vào thế kỷ thứ XV, sáu năm đầu hoạt động ở miền núi Thanh Hóa. Đến năm 1425, nghĩa quân chuyển hướng hoạt động, vào Nghệ An để mở rộng vùng giải phóng. Nghĩa quân đi qua đất Như Xuân còn để lại dấu vết như Bản Chạng (nay là thôn Đồng Phóng xã Thanh Xuân), nơi voi nhà vua dừng lại ăn cỏ. Núi Pù Đền (thuộc xã Thanh Hòa), nơi có đền vua Lê. Sự tích núi Pù Đền kể rằng: Khi đoàn quân của vua Lê chuẩn bị giáp mặt với quân Minh, nhà vua cho binh lính dựng trại nấu ăn và đích thân leo lên đỉnh cao để quan sát địa hình, địa vật và nơi đóng quân của địch, sau đó, bất ngờ đánh vào đất Nghệ An, làm nên chiến thắng "Trận Bồ Đằng sấm vang, chớp giật, miền Trà Lân trúc chẻ tro bay..." (*Bình Ngô đại cáo* - Nguyễn Trãi). Sau khi giải phóng đất nước, nhân dân ta đã xây dựng một đền thờ nơi nhà vua đã đứng trên cao, quan sát địch. Vì thế, quả núi này có tên là Pù Đền (nghĩa là núi đền). Hiện nay, trên núi Pù Đền còn có dấu tích tro than, lò nấu cơm của quân sĩ. Núi Pù Đền có một sườn thoải thoải, thấp dần về phía thung lũng. Thoải thoải, lan tỏa ra, tiếng Thái gọi là *pan pu*.

Đoàn quân Lam Sơn hành quân vào Nghệ An thời đó, có nhiều tướng sĩ xuất phát từ vùng mường Ca Da (Quan Hóa, Thanh Hóa), dưới sự chỉ huy trực tiếp của tướng Lò Khăm Ban. Trong đó có một nghĩa binh thuộc dòng họ Lo Ý. Người ta cũng không biết tên thật của nghĩa binh ấy là gì, chỉ biết anh ta là trai cả trong một gia đình có ba người con trai. Người ta thường gọi anh cả là Lo Ái, anh hai là Nọng Cang, em út là Nọng Lá hay Ót Nhót Chỏi. Lo Ý là một dòng họ có sự tích ông tổ hóa thành cọp, con cháu phải thờ cọp và có giai thoại khóc cha phải kêu than "*po ý ôi!*". Hiện nay một chi họ Lò Cầm ở bản Phúng xã Thanh Xuân và họ Cầm Bá ở Vạn

Xuân (Thường Xuân) đang còn giữ tục này.

Trở lại vấn đề, Lo Ái (Lo Ái) trong đoàn quân của vua Lê Lợi vào Nghệ An năm ấy, đi qua vùng đất Như Xuân hiện nay, thấy đất rộng, người thưa đã để ý nơi lập nghiệp sau này. Đánh giặc xong, Lo Ái dẫn hai người em trở lại tìm nơi đất mới. Đến núi Pù Đền, nơi nghỉ quân dựng trại năm xưa, ngắm cảnh sườn núi thoải thoải, lan tỏa xuống đất bằng thung lũng, có dòng suối trong mát chảy từ trên núi xuống, có thể khai ruộng, lập bản, ba anh em quyết định dựng nhà, khai phá ruộng nương từ trên sườn núi lan ra, đặt tên là Bản Pan. Thấy làm ăn thuận lợi, ba anh em về quê mừng Ca Da lấy thêm người. Dân các nơi cũng về tụ họp. Mọi người cùng chung sức, chung lòng, đắp phai, khai ruộng, mới có thêm bản Phai. Càng về sau, dân cư càng phát triển ra, phải san bản, lập làng, hình thành thêm bản Bánh (bản San). Một mừng mới ra đời, tên là mừng Pan, lấy theo tên của bản Pan. Mừng Pan có hình thế tươi đẹp, mặt bằng rộng rãi, nhưng vẫn chưa thỏa mãn lòng mong ước làm chủ một vùng. Hai người em lại chia tay anh, đi tìm nơi đất mới. Lời kể có câu:

Lo Ái ở lại Mừng Pan

Nặng Cang (em hai) đến ở mừng Chong

Nặng Ót Chọi (em út) về mừng Luộc - Chiềng Ban.

Trước khi chia tay, ba anh em hẹn nhau, dù ở xa hay gần, mỗi năm phải có một lần anh em, con cháu, họ hàng sum họp, gặp mặt tại một điểm cố định. Từ đó nảy sinh ra ý tưởng lập ra một nơi thờ tự để vừa cầu thần phù hộ, vừa có dịp mọi người gặp gỡ nhau, đỡ nhớ, đỡ thương. Đến thời điểm, con cháu, anh em, họ hàng đã đông đúc, phát triển ra khắp chín mừng, ý định họp mặt lại càng nung nấu. Nhớ lại những ngày đi dự lễ tục cầu hồn áo tạo ở Mừng Ca Da, quê hương cũ, Lo Ái bàn với dân các mừng tổ chức thờ Trời tại bản Pan, dưới chân núi Pù Đền, nơi ba anh em đặt chân đến khai phá đầu tiên. Để tỏ lòng tôn kính đáng trên cao và tận dụng sản vật sẵn có ở địa phương là trâu, vì vùng này lắm đồng cỏ, chăn nuôi được nhiều trâu to, béo tốt, nên dân mừng quyết định lấy trâu làm vật thờ dâng lên các thần Trời. Lúc dân mừng mổ trâu bên bờ suối, thấy có một đàn quạ khoang từ phía Mừng Ca Da bay tới, bỗng nhiên biến

mất một phần thịt trâu. Đàn quạ bay lượn nhiều vòng và thả một vật đen xuống đỉnh đồi. Đến nơi xem thì thấy ở Pu Khoai có 3 sừng sừng, đồi Pu Póm có chín cái xương sừng trâu. Mọi người tin rằng: đây là điềm Trời báo cho biết nơi đặt đồ lễ thờ Trời tốt nhất. Để đánh dấu cố định nơi thờ cúng, dân các mừng đã dựng lên một cái nhà nhỏ theo kiểu nhà thờ thần thánh hoàng của người Thái. Từ đó, đền thờ Trời ra đời. Mỗi khi thờ, người ta dắt trâu lên đồi, buộc thừng vào cọc dâng trâu sống, sau đó mới làm thịt, dọn mâm. Trong nghi lễ thờ cúng, thầy mo phải mời các vị thần linh xung quanh về cùng dự bữa cơm tiếp khách, đặc biệt là thần lớn vua Lê ngự trên núi Pù Đền. Dân mừng thờ vua Lê bằng lợn luộc chín dờ. Khi mo cúng xong, con cháu chạy vào mâm tranh nhau ăn để tái diễn lại cảnh quân lính nhà vua vội ăn để đi đánh giặc. Từ khi có đền thờ, dân chín mừng được trời phù hộ, mưa thuận, gió hòa, bản làng bình yên, nhà nhà no ấm, già trẻ khỏe mạnh. Vì thế, đã thành lệ, năm nào họ cũng mổ trâu thờ Trời. Dân chín mừng kéo đến đông đúc, dự lễ cầu cúng, vui chơi, thăm hỏi, hàn huyên. Các thủ tục nghi lễ được bổ sung thêm và ổn định dần, trở thành thông lệ. Quả đồi đặt đền, dâng trâu đặt tên là Pù Quai (đồi Trâu). Nơi lấy nước dưới suối lên tắm cho trâu gọi là Tá Phạ (bến Trời), hay Tá Quai (bến tắm trâu). Để ghi nhớ công ơn của người khai phá ra bản mừng, khi thờ Trời, dân mừng thờ cúng dòng họ Lo Ý, mà người đại diện là anh cả Lo Ái (người xưa hay nói gộp là Lo Ý Lo Ái). Trong các thần Trời, người ta nhớ nhất “Nàng Xi Đa hay chữ, ngài làm mẹ soát sổ nhân gian” (Nguyên văn tiếng Thái là: *Nang Xi Đa ệ án, tán pìn mẹ xét chia lương giân*). Do vậy, người ta hay nói tắt là đền thờ nàng Xi Đa và chàng Lo Ý. Hiện nay ở bản Pàn (Thôn Tân Hiệp, xã Thanh Hòa) còn có Pù Quai, Tá Phạ dưới chân núi Pù Đền, đền thờ Trời đã chuyển đi nơi khác.

Việc thờ đền mừng Pàn kết thúc, vì một lý do không đáng có. Một lần, người phụ trách chia thịt trâu là ông Phó Tựa, người bản Cống, lấy phần bản mình nhiều hơn, để cho các bản khác thiếu phần, đâm ra thắc mắc, nghi kỵ lẫn nhau, dẫn đến không đồng tình tổ chức lễ hội nữa. Lúc này tạo mừng Lự đang có thể lực, liền đón rước

linh thần, bài vị ra lập đền thờ ở bản Lự. Được hai năm, mừng Luộc lại có vai vế hơn, đón lấy đền thờ Trời về đặt tại Pù Mương thuộc bản Cộc (xã Xuân Lộc). Hiện nay trên đỉnh đồi đặt đền còn có sân bãi bằng phẳng, phía dưới có dòng suối, bên nước Tá Phạ. Thờ ở mừng Luộc được vài năm, lại có sự kiện án mạng xảy ra trong mừng Luộc. Nạn nhân bị đem giấu vào đồng lá ở trên đỉnh đồi Pộc Phạt. Uy tín của mừng Luộc bị hạ thấp. Lúc này dòng họ Cầm Bá ở Chiềng Ban - Trịnh Vạn đang cầm quyền, liền chuyển đền thờ Trời về bản Lùm Nưa, tổng Trịnh Vạn (nay là xã Vạn Xuân, huyện Thường Xuân). Thời kỳ Cầm Bá Thước làm Tham tán quân Vụ, phụ trách Thanh Thứ quân, cuối thế kỷ XIX, lễ hội thờ Trời ở Trịnh Vạn tổ chức rất linh đình. Sau khi phong trào Cần Vương ở vùng thượng nguồn Sông Chu do Cầm Bá Thước lãnh đạo bị đàn áp, dòng họ Cầm Bá ở châu Thường Xuân bị chính quyền thực dân, phong kiến kiềm chế, không cho có vai vế xã hội. Người được chọn làm tri châu Thường Xuân là Lương Văn Bảo, thường gọi là quan Bảo, ở bản Hang, tổng Quân Nhân. Ông này vốn tính hiền lành, không ham danh vọng, lại không biết chữ, từ chối không nhận chức tri châu, xin nhường lại cho họ Cầm Bá ở Trịnh Vạn. Cầm Bá Vinh được làm tri châu. Họ Cầm mang ơn, tôn họ Lương làm anh và nhường đền thờ Trời cho mừng Chang. Đền Hưon Pen được dựng vào khoảng đầu thế kỷ XX, đặt trên quả đồi tròn Pù Pôm, thuộc bản Hin, nơi đầu mừng Chang và cũng là đầu nguồn sông nậm Chang (sông Chàng). Chín mừng trong châu Thường Xuân luân phiên nhau hiến trâu và về dự lễ hội hàng năm, có mời cả mừng Ca Da về chứng kiến. Lễ hội năm 1946 là lần cuối cùng. Từ năm 1947, cuộc kháng chiến chống Pháp ngày càng ác liệt, nhân dân ta phải tập trung sức lực vào công cuộc kháng chiến kiến quốc, việc tổ chức lễ hội bị gián đoạn đến bây giờ.

3. Các bước cơ bản trong tổ chức lễ hội ở Hưon Pen mừng Chang

3.1. Thiết kế và tên gọi

Đền thờ dựng giữa khu đất bằng phẳng, trên đỉnh đồi Pù Pôm, rất thoáng mát. Ba phía nhìn xuống thung lũng, đồng ruộng, bản làng. Một phía gần với núi... bằng một đồng đất hẹp.

Con suối Huối Tôn thượng nguồn sông Chàng trong vắt, chảy vòng quanh chân đồi, là nơi có bến lấy nước tắm trâu Tá Phạ. Từ bến nước có đường lên đền lượn theo sườn dốc, chui qua cổng trời. Cổng trời là một cây đa hình vòng cung, ngã vắt thân qua đường, dựa lưng vào một cây trường mật, trông giống như một cái cổng do trời sắp đặt. Trên thân cây đa lại có một cây *khura phạ* (cây cà trời), sống ký sinh, cành lá sum suê, bốn mùa ra quả.

Đền làm bằng nhà sàn, cột gỗ lõi, chôn chặt, 3 gian, lợp lá cọ, lát sàn bằng gỗ tròn, dùng riu đẽo phẳng mặt trên, xung quanh để trống, không thưng vách. Do tập quán kiêng kỵ, không được gọi chính tên (như nhà thờ Trời, chẳng hạn) mà phải tìm một đặc điểm nào đó đại diện để gọi tên. Ví dụ như nhà thờ thần bản, mừng (thành hoàng), đan vách thưa, không kín thì gọi là *hưon háng* - *hưon hang* (ví dụ: Khăm Panh ở mừng Không, đền thờ tạo Pọng bản Bo, Mừng Ký, thành hoàng bản Chiềng ở Mừng Mót đều gọi tên là Hưon Háng - Hưon Hang). Đền thờ Trời ở đây có sàn bằng gỗ, tạc bằng mặt trên như lát ván; trên đầu thang, có đặt một tấm ván để người ta bước vào cho thuận. Do vậy mà người ta gọi đền này là Hưon Pen (tức là nhà ván)

3.2. Các bước tiến hành lễ hội

Ông Vi Đình Lân và Vi Việt Bình là hai người đã từng làm *báo hé*, tức là con trai đảm nhiệm việc khiêng cáng, phát quạt, thổi sáo, trợ việc cho *ông ạp*, thầy mo và *cháu hũa* trong cuộc tế lễ, cho rằng lễ hội đền Chín Gian có các bước cơ bản sau:

Tháng ba âm lịch hằng năm, họp bản, dưới sự chủ trì của *cháu hũa*, phân công các mừng chịu trách nhiệm chuẩn bị lễ vật, trong đó phân định mừng nộp trâu cúng năm nay, phân việc sửa sang nhà đền, phát dọn, treo võng và chỉ định người thực hiện các chức năng: *ông ạp* (người tắm trâu), *báo hé* (con trai trợ giúp), *xao hé* (con gái trợ giúp), ông mo chính, mo phụ.

Ngày mùng 1 tháng 6 âm lịch, *cháu hũa* đánh chiêng báo hiệu sắp mâm cúng tại nhà *cháu hũa*. Cúng xong, *cháu hũa* đánh chín hồi chiêng, ngân dài để báo cho dân mừng, thần linh, thổ địa biết năm nay có tổ chức thờ Trời đi hôm nào. *Báo hé* đánh công thổi tiêu đi thu lễ

vật với các bản trong mừng.

Ngày 20, cúng thổ công, thổ địa và thành hoàng mừng.

Cúng thổ công tại nhà lều thổ công phía trước đền. Lễ vật cúng là mâm xôi gà. Nội dung cúng là:

“Mời tạo mô thấp, mô cao, tạo hoa đất hoa cỏ, ngài thổ công, ông chủ đất, đến ăn mâm cơm để nghe mo mừng báo tin trước. Việc làng, việc nước chín mừng sáng sửa mô trâu thờ Trời. Xin mời các ngài sáng về làm trụ, làm cột, trông trước, trông sau, ngồi mâm, tiếp khách. Bây giờ xin phép các ngài được động thổ, sửa sang bến nước, phát đường, phát sá...”

Thành hoàng mừng Chang thờ tại *hươn xóm bản Hin*. Tên thần là tạo Hùn La Hùn Nhọt. Tên gọi này có thể hiểu là Khun Là Khun Nhọt, nghĩa là ông út, ông ngọn, không rõ họ tên thật là gì. (Khun hay hùn, hùn là chỉ địa vị xã hội của người đó thuộc dòng dõi quý tộc, chức sắc - khun, quan). Theo lời kể thì Hùn La Hùn Nhọt là một chiến binh, khi đi chiến đấu ngang qua khu vực này thấy đất đai hoang hóa đã để ý, khi ra quân liền đưa người nhà đến khai phá thành ruộng nương, bản làng. Nơi khai thửa ruộng đầu tiên, gặp nhiều đá, đặt tên là Hời Hin, và bản ấy cũng mang tên là bản Hin (hin, nghĩa là đá). Lời mo có đoạn:

*“Gừng trên núi nên thuốc
Tạo gốc bản thành thần
Tạo Hùn La Hùn Nhọt
Ngài đã đào bụi lau nặng vác
Đào bụi lác nặng khiêng
Đắp phai có rong rêu đến bằm
Vào bản có anh em đến cùng...”*

Đồ lễ thờ thành hoàng là cỗ xôi với một con lợn to. Địa điểm, tại đền thờ thần mừng (*hươn xóm*), bên ngoài đền thờ Hươn Pen. Nội dung, cũng thông báo cho các vị thành hoàng biết sắp có việc lớn, chín mừng về đây cầu khẩn thần Trời, nhờ các ngài về ăn cơm, làm chủ, trông coi công việc cho mọi sự tốt lành.

Tối ngày 21, mừng nào dâng trâu năm ấy mang trâu đến nộp tại nhà *cháu hũa*.

Ngày 22 tháng 6, dắt trâu lên đền, mổ trâu, sắp mâm, cúng tế:

Đoàn dắt trâu trông như một đoàn đón rước

kiệu. Đi trước là vồng *cháu hũa*, một ông mo, một bà một, một người thổi tiêu. Theo sau là một trai *báo hế* vác theo hai cây mía, tiếp đến là vồng *ông ap*. Trâu được dắt theo một con đường riêng, dọc theo khe suối, sau đó lượn theo sườn dốc, qua cổng trời, lên đồi, trâu được buộc thừng vào một cột gỗ lõi chôn cố định nhiều năm ở ngoài sân đền. *Ông ap* dùng 9 ống nước múc từ dưới Tá Phạ lên, dội vào lưng, vào đầu, tắm cho trâu. Ông mo làm thủ tục cúng, nộp trâu cho Trời. *Cháu hũa, ông ap*, bà mo và *báo hế* đi xung quanh con trâu 3 vòng. Ông mo dùng rìu giả chém trâu 3 lần, xong rồi người khỏe mới xúm vào, dùng dây buộc tước chân, giật cho trâu ngã, dùng cây gỗ chặn lên để cắt tiết. Khi trâu ngã rồi, *ông ap* và *cháu hũa* thi nhau mắc vồng, xem ai nhanh hơn.

Mổ trâu xong lấy lòng, thủ, và chân làm đồ tế lễ, thịt thì đem chia cho các mừng nấu ăn. Một phần mang về nấu tại nhà *cháu hũa* để tiếp các quan chức.

Lễ tế diễn ra suốt đêm 22 tháng 6. *Ông ap* và *cháu hũa* được nằm vồng. Vồng cháu hũa mắc phía trước, *ông ap* phía sau. Ông mo và bà một ngồi ghé, trong đó một ông mo chính và một mo giúp (mo chới) nói lời đối thoại và thổi tiêu. *Báo hế* phải quạt cho *cháu hũa* và ông mo.

Lời mo gồm các nội dung: Mời các thần trên trời xuống, đồng thời mời thần mừng (thành hoàng mừng), thổ công, thần núi, thần sông, thần các họ tạo chín mừng đến tiếp khách.

Nói lý do, dân chín mừng ghi nhớ công ơn trời đất, đồng thời muốn cầu khẩn Trời phù hộ cho mưa thuận, gió hòa, vận mệnh các mừng được tốt đẹp, yên lành mọi mặt:

Xin dâng trâu cho Trời để Trời dất về cày cấy, mong cho lối trâu lên trời phải in rõ để mỗi khi có người chết, tìm đường lên với tổ tiên thì mo chỉ cần đưa linh hồn đến Hươn Pen, sau đó linh hồn theo dấu chân trâu mà đi.

Mời cơm, xin các thần phù hộ

Đưa các thần trở về nơi cũ, hẹn năm sau mời lại.

4. Nhận định và đề xuất

4.1. Ý kiến nhận định

Phần trình bày ở trên là dựa trên các tư liệu sưu tầm được và xâu chuỗi lại. Mức độ chính xác đến đâu phải chờ khách quan đánh giá. Riêng ý

kiến cá nhân, chúng tôi có vài nhận định như sau:

- Người Tày Mường (hay Tày Xiềng - Tày Chiềng), là một nhóm địa phương của người Thái Việt Nam, hình thành ở khu vực tây bắc Nghệ An và Tây Nam Thanh Hóa, có một bản sắc văn hóa độc đáo riêng, không lẫn với người Thái Tây Bắc, Thái Thanh và Thái Lào. Do nguồn gốc và mối quan hệ giao lưu, khu vực văn hóa này tổng hợp được các đặc điểm văn hóa của người Tày Thái cổ, Thái Tây Bắc, Thái Thanh, Việt Mường và cả các tộc người thuộc nước Chăm-pa cũ. Tuy nhiên trong nhóm Tày Mường có một bộ phận tên gọi cũ là Tày Dọ. Trong nhóm Tày Dọ có dòng họ quý tộc Lò Khăm (đổi thành họ Cầm, họ Sầm), là hậu duệ của các thủ lĩnh người Thái Đen Tây Bắc, nổi tiếng như Lang Chượng, Lò Lệt (còn gọi là châu Ngu Hấu - Ngu Hống thời nhà Lý), có nguồn gốc xuất phát từ Mường Lò (Nghĩa Lộ, Yên Bái), đến Thanh Hóa và Nghệ An đã sớm thay thế các dòng họ khác làm thủ quan, tạo mường. Do đó, yếu tố văn hóa của người Tày Dọ, có tác động chi phối văn hóa - xã hội của cộng đồng người Tày Mường. Khu vực chín mường ở Nghệ An và chín mường ở Thanh Hóa, sinh tụ xung quanh dãy núi Pù Tôn, Pù Cầm, thành viên tham gia lễ hội Chín Gian là khu vực do văn hóa Tày Dọ chi phối. Các yếu tố văn hóa của nhóm khác được chuyển hóa, xuyên thấm vào văn hóa Tày Dọ, trong đó có trường hợp đền Chín Gian.

- Sự tích đền Chín Gian liên quan đến các cự binh khởi nghĩa của cuộc khởi nghĩa Lam Sơn, dòng họ Lò và mường Ca Da. Sự tích khai phá ra mường Pàn và mường Chang đều kể về người lính cũ (Lo Ái, Hùn La Hùn Nhọt) quay trở lại nơi đã hành quân đi qua để tìm nơi lập quê mới. Sự tích ở mường Pàn lại gắn với đền thờ vua Lê Lợi, dấu tích về cuộc hành quân vào đánh quân Minh ở Nghệ An. Họ Lò có liên quan đến các nghĩa binh mường Ca Da và tướng Lò Khăm Ban. Theo văn bia đặt tại đền thờ Lò Khăm Ban ở bản Khăm, xã Hồi Xuân huyện Quan Hóa, sách *Lam Sơn thực lục* và gia phả của dòng họ Phạm Bá ở Hồi Xuân, thì: Lò Khăm Ban là người ở Nà Sắn (Sơn La), đi học văn, võ ở bên Lào và Miến Điện, được vua Lào ở Luông Pha Bang gả công chúa cho. Khi Lê

Lợi đẩy binh khởi nghĩa, vua Lào cho Lò Khăm Ban mang quân sang giúp. Sau đó, quân Minh đe dọa vua Lào, bắt vua Lào ra trát đòi Lò Khăm Ban trở về. Ông không về, đã kết nghĩa anh em với Phạm Sát, người ở Nga Lạc (sau này được phong quốc tính là Lê Sát), chuyển thành họ Phạm, tên là Phạm Yếu. Sau này hai dòng họ Phạm vẫn giữ quan hệ anh em chú, bác. Hậu duệ của Lò Khăm Ban lấy họ Phạm Bá (bác), hậu duệ Phạm Sát lấy họ Phạm Thúc. Do có nhiều công lao trong chiến đấu, Lò Khăm Ban được phong làm thượng tướng quân thống lĩnh, cai quản một vùng từ Ba Bông, theo sông Mã lên tận Sơn La, theo sông Chu lên tận Pù Tôm Pù Khem (vùng cao nguyên Trấn Ninh, Sầm Sơn), trong đó có ảnh hưởng đến khu vực các mường thờ đền Chín Gian. Họ Cầm và họ Sầm thường nhận mối quan hệ thân tộc với Lò Khăm Ban và mường Ca Da. Những hiện tượng mang tính chất lịch sử có thể có liên quan đến sự sáng tạo ra truyền thuyết và lễ tục vùng này. Hoặc nói ngược lại, truyền thuyết và lễ tục phản ánh bóng dáng lịch sử. Sự tích đền Chín Gian phảng phất hình ảnh những cự binh đã từng theo Lê Lợi và Lò Khăm Ban trở lại khai phá, dựng nghiệp vùng này. Tuyệt nhiên không có ý nào liên tưởng tới nhân vật Lo Ý, tạo mường Ca Da tìm đường về Lào như đền Chín Gian ở Quế Phong.

- Ý tưởng và cách thức tổ chức lễ hội là sự nhào nặn của các lễ tục thờ thần của người Thái nói chung và văn hóa của các tộc người thuộc quốc gia Chăm-pa cổ. Nội dung thờ Trời lấy từ hình thức cầu hồn áo tạo mường trên đỉnh núi của người Thái vùng sông Mã. Nhà đền làm theo kiểu thờ thành hoàng mường của nhiều nơi. Hình thức buộc trâu vào cột để chém (sau này chỉ giả chém) có thể tiếp thu lễ hội đâm trâu của các tộc người trên dãy Trường Sơn và Tây Nguyên. Nàng Xi Đa là hình tượng người con gái đẹp thường gặp trong các truyền thuyết của người Thái Lan.

Lễ hội có ý nghĩa lịch sử - văn hóa và giáo dục truyền thống đoàn kết, uống nước nhớ nguồn của người Việt Nam và thể hiện nguyện vọng chính đáng, thiết tha của cư dân nông nghiệp lúa nước ở vùng thung lũng. Hình ảnh tế bằng trâu và những lời cầu nguyện đã nói lên điều đó.

4.2. Đề xuất

Với tinh thần xây dựng, được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy Đảng, chính quyền huyện Như Xuân đã tập trung tinh thần và sức lực, tiến hành xây dựng lại đền thờ và phục dựng lễ hội đền Chín Gian. Chúng tôi đề xuất một số ý kiến sau

1) Nên đặt tên đền gắn với lịch sử và nội dung ý nghĩa cơ bản của lễ hội. Không nên đặt tên đền Chín Gian vì hai lẽ:

- Trong quá khứ chưa từng có tên gọi đền Chín Gian, mà tên cũ chỉ gọi là Hưon Pen, và cũng chưa từng có nhà 9 gian mà chỉ có 3 gian. Nếu gọi đền Chín Gian e rằng không có cơ sở nguồn gốc lịch sử.

- Nếu lấy tên đền Chín Gian sẽ trùng với đền Chín Gian ở Quế Phong (Nghệ An), dễ gây ra nhầm lẫn tên gọi giữa hai đền thờ và không tránh được sự bàn luận so sánh, về lịch sử thời gian, quy mô ảnh hưởng của hai đền thờ này.

Theo chúng tôi, có thể đặt tên theo cách:

- Đặt theo tên cũ: Hưon Pen (nhà ván), Pu Póm (đồi tròn), Xơ Phạ (thờ Trời)

- Đặt tên theo ý nghĩa biểu thị sự đoàn kết: Lễ hội Chín Mường (Xân Cầu mường). Vì trước đây là đền thờ chung của cả 9 mường. Bây giờ mở rộng thêm, trở thành đền chung của huyện càng có ý nghĩa biểu thị sự đoàn kết.

2) Lễ hội đền Chín Gian ở châu Thường Xuân cũ và đền Chín Gian ở Mường Tôn Quế Phong có nhiều điểm giống nhau, có thể nói là cùng mẫu hình, và cũng là khu vực duy nhất ở nước ta có hình thức lễ hội dâng trâu thờ Trời. Trong khi đi sưu tầm tư liệu, chúng tôi được nghe một số ý kiến cho rằng: đền Chín Gian ở Mường Tôn là điểm kế tiếp đền Hưon Pen ở Tổng Quân Nhân của châu Thường Xuân. Khi xây dựng đền Chín Gian ở Mường Tôn, người dân bên đó đã sang Hưon Pen để rước thần, mang võng lọng về thờ cúng bên ấy. Vấn đề này rất phức tạp, đưa ý kiến này ra bàn thì sẽ động chạm những vấn đề tế nhị, khó giải quyết, tốt nhất trong khi chưa có đủ tư liệu thuyết phục để phân định đền nào có trước, đền nào có sau, hay là hai trong một, thì cứ cho là cả hai đền song song tồn tại, mỗi nơi có một không gian riêng.

3) Nên khôi phục những đặc điểm, tình tiết cơ bản đã có trước đây, hiện nay chưa thể hiện đầy đủ như: bến nước, đường trâu lên, cây đa, cổng trời... Trong trang trí và đồ lễ cần chú ý các chi tiết hoa văn thổ cẩm, hoa văn đan lát, đồ thờ trâu cau, thổ cẩm, vòng bạc (có thể dùng vật tượng trưng thay cho bạc thật, như vòng lát chẳng hạn).

4) Nên lược bớt các yếu tố thêm thắt trước đây chưa từng có, như đưa nghi thức, hình ảnh Phật giáo vào sinh hoạt tín ngưỡng thuần khiết dân tộc. Quan điểm tôn giáo của Đảng, nhà nước ta là chống tà đạo, tạp đạo. Đạo Phật là đạo chân chính, không phải là tà đạo, nhưng trộn đạo Phật vào tín ngưỡng thờ thần của người Thái thì có vẻ mới lạ, khó chấp nhận.

Việc sử dụng chữ Hán Nôm viết các bức hoành phi, câu đối trong đền thờ truyền thống của người Thái, trước đây chưa có tiền lệ, bây giờ cũng không nên làm. Nên chăng sử dụng chữ phổ thông và chữ Thái thì có ý nghĩa hơn. Một số nhà nghiên cứu Việt Nam học cho rằng: trước khi dùng chữ Hán, người Việt đã có chữ viết, nhưng do bị đô hộ hàng nghìn năm Bắc thuộc, thứ chữ cổ chỉ còn giữ được ở vùng biên viễn. Đã có những nhà nghiên cứu (như nhóm Nguyễn Văn Xuyễn ở Phú Thọ) nhận định: Chữ Việt cổ thời kỳ khởi nghĩa Hai Bà Trưng giống với chữ Thái hiện nay. Vương Duy Trinh, Tổng đốc Thanh Hóa, viết *Thanh Hóa quan phong* năm 1903⁽¹⁾ khi tìm hiểu về chữ viết của người Thái ở Châu Quan Hóa cũng nêu nhận định ấy. Ở đền Chín Gian Quế Phong, người ta sử dụng chữ Thái viết câu đối: “Được ăn đừng quên dĩa, được ở đừng quên mường”, nghe ra có lý, được công chúng đồng tình. Ở đền chín mường của Như Xuân, có thể dùng các câu tục ngữ có hình thức đối, mang nội dung về đạo đức nhân nghĩa hoặc giá trị của tình đoàn kết cộng đồng như:

Ėt phộc phạ dú đi

Ėt phộc phì dú thẩu

(Dịch là: Làm phúc trời sống đẹp, Làm phúc thần sống lâu)

Hay câu:

Lài bán chẳng pìn mường

Lài mường chẳng pìn khẩu

(Dịch là: Nhiều bán mới nên mường, nhiều

mương mới nên lúa)

...

5) Chấp nhận sự cải tiến trong thiết kế hình khối và vật liệu xây dựng bởi vì đây là yếu tố hình thức, không phải là nội dung bản chất. Với xu thế phát triển, thiết kế vững chắc hơn, quy mô rộng rãi hơn, hình khối, màu sắc đẹp đẽ hơn, thì cải tiến là lẽ tất nhiên. Để đáp ứng được mục đích khôi phục lễ hội cổ truyền nhằm phục vụ sinh hoạt văn hóa thời kỳ hiện nay, với ý tưởng nhân rộng tinh thần đoàn kết dân tộc, tạo cơ sở hình thành điểm tham quan du lịch, góp phần phát triển kinh tế xã hội... thì không gian phải rộng, nhà cửa xây dựng phải vững chắc hơn, trang trí phải đẹp hơn, chẳng lẽ vẫn cứ cái lều tranh tre, gỗ, lá xơ xác như xưa được sao?

Một số ý kiến không muốn chấp nhận hình đầu rồng trên mái nhà, vì trước đây không có. Theo quan niệm cũ thì người Thái chỉ làm hình nộm đầu cạp, đầu voi hay khâu cút lên đầu hồi nhà. Theo chúng tôi, rồng hay chim cũng đều là thần tượng tổ tiên của con cháu Rồng, Tiên. Tại đền Chín Gian huyện Quế Phong, người ta cũng để hình rồng như thế mà không bị phản đối. Nhìn xa nữa, tại đền Thượng, trên nền thành Cổ Loa xưa, thờ Thục Phán An Dương Vương và các cận thần cũng làm mái cong và hình đầu rồng, mặc dù Thục Phán là người Tây Thái (đọc theo âm Tây Thái là Tục Phăn, nghĩa là đập chém - thủ lĩnh quân sự).

Việc mở rộng thành phần tham gia lễ hội từ cộng đồng chín mường thành cộng đồng toàn huyện, theo chúng tôi lại càng có ý nghĩa tốt đẹp hơn, thể hiện sức mạnh đoàn kết toàn dân. Nếu như chúng ta có thể liên kết với huyện Thường Xuân và các địa phương có các mường tham gia lễ hội Chín Mường của Nghệ An từ xưa cùng tham gia tổ chức thì rất tốt. Vị trí đặt mâm thờ nên ưu tiên cho mường Chang (xã Thanh Quân, Thanh Sơn) ở giữa, mường Pàn (xã Thanh Hòa, Thanh Phong), mường Lự (xã Thanh Lâm, Thanh Xuân) ở hai bên, các đơn vị khác kể theo bên ngoài.

Thời gian lễ hội, có lẽ phải vận dụng chuyển sang mùa xuân, vì cả nước lễ hội vào mùa này. Nếu tổ chức vào mùa hè hoặc mùa thu thì thời tiết không ủng hộ.

Qua tìm hiểu lễ hội Chín Mường, được biết thêm, ở Như Xuân có núi Pù Đền, nơi có đền thờ vua, gợi ý cho chúng ta tìm hiểu thêm di tích này, để có thể liên kết các điểm lễ hội và tham quan du lịch.

Tóm lại, lễ dâng trâu tế Trời ở đền thờ mới khôi phục ở xã Thanh Quân, huyện Như Xuân hiện nay là một hình thức sinh hoạt tín ngưỡng, vừa có ý nghĩa tâm linh, vừa thể hiện tinh thần đoàn kết cộng đồng. Hình thức này chỉ có ở trong cộng đồng người Thái có người Tây Do thuộc khu vực phía Tây Nam tỉnh Thanh Hóa và Tây Bắc Nghệ An, xung quanh dãy núi Pù Cầm, Pù Tôn. Trước đây người Thái khu vực Nam Thanh Hóa và Bắc Nghệ An, gồm chín mường tổ chức lễ hội chung trong một đền thờ. Sau này, do phạm vi dân cư phát triển mới chia tách thành hai. Chín mường ở Nghệ An tham gia tổ chức lễ hội ở đền Chín Gian mường Tôn (Quế Phong), chín mường thuộc châu Thường Xuân cũ của Thanh Hóa tham gia tổ chức lễ hội ở đền thờ Trời trong khu vực của mình. Đền thờ này được hình thành từ sau cuộc khởi nghĩa Lam Sơn thế kỉ thứ XV, do các cựu binh sáng lập ra, đã từng di chuyển địa điểm ở nhiều nơi, cuối cùng dừng lại tại Pu Póm, xã Thanh Quân bây giờ. Hiện nay, đền thờ đã được khôi phục để phục vụ đời sống văn hóa của đồng bào và được tôn tạo làm địa điểm tham quan du lịch của du khách. Để thể hiện đúng bản chất, nội dung của lễ hội, nên đặt tên đền là Đền thờ Trời hay Đền thờ Trời mường Chang, đồng thời các tình tiết cơ bản cần được khôi phục, việc nâng cấp cần theo phương châm bảo tồn và phát huy di sản văn hóa dân tộc./.

Chú thích

(1) Vương Duy Trinh [1903] (1973), *Thanh Hóa quan phong* (Nguyễn Duy Tiến phiên âm dịch chú), Bộ Văn hóa, Giáo dục và Thanh niên xb. Sài Gòn.